TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HN&GĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2021/TLST-HN&GĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2021/QĐST-HN&GĐ ngày 08/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị TH, sinh năm: 1973;

2. Bị đơn: Anh Võ PH, sinh năm: 1971;

Cùng Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh BT; tạm trú: Số nhà 11, đường Trương Định, tổ 3, khu phố 4, thị trấn ĐT, huyện ĐH, tỉnh BT.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" lập ngày 04/3/2021, cùng các bản tự khai, chứng cứ của chị Nguyễn Thị TH có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ PH tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐT, huyện ĐH, tỉnh BT. Giấy chứng nhận kết hôn số: 36/1993, ngày 05/5/1993. Quá trình chung sống luôn nảy sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân do anh chị không hợp tính tình, không thể dung hòa mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh PH thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị gây thương tích. Chị và các con ra sức khuyên ngăn nhưng anh PH không thay đổi. Chị xác định mâu thuẫn giữa anh chị thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh PH.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tổ chức nhiều phiên hòa giải nhưng anh PH không tham gia và cũng không viết bản khai để thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình khi giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành xác minh đối với các người con trưởng thành thì phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý với việc xin ly hôn của chị TH.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy

định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, chị TH không còn tình cảm vợ chồng với anh PH, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị TH yêu cầu ly hôn, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 04/3/2021 Toà án xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị TH vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh PH vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, anh PH là trường hợp được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị TH và anh Võ PH có thời gian tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐT, huyện ĐH, tỉnh BT. Đăng ký kết hôn số: 36/1993, đăng ký ngày 05/5/1993. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, không thể dung hòa mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh PH thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập chị gây thương tích. Trong quá

trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Chị xác định không còn tình cảm với anh PH nữa nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh PH. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị TH là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Các con đã trưởng thành. Nguyên đơn, bị đơn đều không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị TH, anh PH không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TH là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thắm và anh Võ PH là vụ án hôn nhân và gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị TH thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị TH.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị TH ly hôn anh Võ PH.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị TH đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005240, ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị TH đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thị hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND thị trấn Đức Tài;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đức